

Bản án số: 06/2017/DS-ST
Ngày 13-7-2017
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG TỈNH LẠNG SƠN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hương Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Hải.
2. Bà TR Thị Hồng Nhung.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hoàng Duy Khánh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:* Bà Chu Hương Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2017 tại Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2017/TLST - DS, ngày 03 tháng 4 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2016/QĐXX-DS, ngày 16 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Thân Thị T, sinh năm 1968, có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đông S, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Ngô Quang TR, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1981. Đều vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Thân Thị T trình bày: Do quen biết từ trước nên bà cho vợ chồng ông Ngô Quang TR, bà Nguyễn Thị X vay tiền để làm ăn. Lần thứ nhất vào ngày 10 tháng 02 năm 2013 cho vay 43.000.000đ (bốn mươi ba triệu đồng); lần thứ hai vào ngày 08 tháng 3 năm 2013 cho vay 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng), tổng số tiền 02 lần vay là 113.000.000đ (một trăm mười ba triệu đồng). Khi vay có viết giấy nhận vay tiền, thỏa thuận thời gian trả nợ là ngày 10 tháng 02 năm 2013, đến thời hạn ông TR, bà X cho rằng làm ăn thua lỗ, kinh tế khó khăn nên chưa có tiền trả nợ, bà đã đòi nợ nhiều lần nhưng ông TR, bà X vẫn

không trả được. Nay bà khởi kiện yêu cầu ông Ngô Quang TR và bà Nguyễn Thị X trả số tiền gốc là 113.000.000đ (một trăm mười ba triệu đồng), không yêu cầu lãi suất.

Bị đơn bà Nguyễn Thị X trình bày: Bà là vợ ông Ngô Quang TR, năm 2013 vợ chồng bà có vay tiền của bà Thân Thị T 02 lần với tổng số tiền là 113.000.000đ (một trăm mười ba triệu đồng) và hẹn ngày trả nợ tuy nhiên do làm ăn thua lỗ nên đến nay vợ chồng ông bà vẫn chưa có tiền trả nợ nhưng bà khẳng định sẽ trả cho bà T số tiền này.

Tòa án đã triệu tập họp lệ nhưng bị đơn ông Ngô Quang TR không đến tham gia tố tụng nên không có lời khai tại Tòa án.

Chứng cứ bà Thân Thị T nộp cho Tòa án gồm: Sổ hộ khẩu; phiếu xác nhận hộ khẩu, nhân khẩu; chứng minh nhân dân đứng tên bà Thân Thị T; giấy nhận vay tiền, ngày 10/02/2013; biên nhận vay tiền, ngày 08/3/2013.

Các tình tiết sự kiện không phải chứng minh và các tình tiết các bên đã thống nhất: Bà Nguyễn Thị X thừa nhận năm 2013 vợ chồng ông bà có vay của bà Thân Thị T hai lần với tổng số tiền là 113.000.000đ (một trăm mười ba triệu đồng) để làm kinh tế.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành kiểm kiểm việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ. Bà Thân Thị T đã có đơn đề nghị không tiến hành Tòa án hoà giải.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Đề nghị khi thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng, Tòa án phải thực hiện đúng quy định tại các Điều 171, 172, 173, 175, 179, 181 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngoài ra, sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Kiểm sát viên có ý kiến việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập họp lệ nhưng bị đơn ông Ngô Quang TR, bà Nguyễn Thị X vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Việc vắng mặt ông TR, bà X không gây cản trở cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại b khoản 2, Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử nhận định, năm 2013 bà Thân Thị T cho vợ chồng ông Ngô Quang TR, bà Nguyễn Thị X vay tiền hai lần với tổng số tiền là 113.000.000đ (một trăm mười ba triệu đồng), có thỏa thuận thời hạn trả nợ và không lãi suất. Quá trình giải quyết vụ án ông Ngô Quang TR không đến Tòa án nhưng bà Nguyễn Thị X đã thừa nhận vợ chồng ông bà có vay của bà Thân Thị T 113.000.000đ tuy nhiên do kinh tế khó khăn, làm ăn thua lỗ nên vợ chồng ông bà chưa có khả năng trả nợ nhưng bà X khẳng định sẽ trả cho bà Thân Thị T số trên, việc này phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, bà

Thân Thị T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Ngô Quang TR, bà Nguyễn Thị X phải trả 113.000.000đ và không yêu cầu lãi suất là có căn cứ theo quy định tại Điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên cần được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thân Thị T được chấp nhận nên bị đơn ông Ngô Quang TR và bà Nguyễn Thị X phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 147; các Điều 227, 228, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015; các Điều 6, 7, 9, 26 và 30 của Luật thi hành án dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc ông Ngô Quang TR và bà Nguyễn Thị X cùng phải có trách nhiệm trả bà Thân Thị T **113.000.000đ** (một trăm mười ba triệu đồng), cụ thể ông Ngô Quang TR và bà Nguyễn Thị X mỗi người phải trả bà Thân Thị T 56.500.000đ (năm mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này

2. Về án phí: Ông Ngô Quang TR và bà Nguyễn Thị X mỗi người phải chịu 2.825.000đ (hai triệu tám trăm hai mươi năm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung công quỹ Nhà nước. Trả lại bà Thân Thị T 2.825.000đ (hai triệu tám trăm hai mươi năm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2012/01896 ngày 29 tháng 02 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự;

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng;
- Chi cục thi hành án huyện Hữu Lũng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Hương Giang